

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã S, huyện H, tỉnh K (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã S, huyện H, tỉnh K (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà P trình bày: Bà và ông H quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận cho tổ chức đám cưới năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2015 đến nay giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông H mỗi lần đi nhậu về, ghen tuông vô cớ, tìm cách kiếm chuyện, chửi mắng vợ con. Nhiều lúc chửi bà, bà trả lời thì dùng vũ lực đánh bà. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng bà nhiều lần sống ly thân, bà cho ông H cơ hội sửa đổi nhưng ông H không sửa, do đó bà làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H.

Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là: Phạm Văn Hậu, sinh năm

1994, Phạm Văn Hữu, sinh năm 1997 và Phạm Vũ Hà, sinh năm 2005. Hai con đầu đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết. Riêng con út hiện đang sống với ông H, nếu ông H nuôi con thì bà đồng ý. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày: Quá trình kết hôn, chung sống và có con chung giữa ông và bà P như bà P trình bày. Ông cho rằng vợ chồng đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, nhưng ông không thường xuyên chửi mắng, đánh đập vợ con. Ông thừa nhận có hai, ba lần ghen tuông vô cớ vợ nhưng chỉ đánh vợ duy nhất một lần. Ông còn tình cảm với bà P, ông không muốn ly hôn, nhưng nếu vợ ông cương quyết ly hôn thì ông cũng chấp nhận.

Về con, hai con đầu đã trưởng thành, ông không có ý kiến gì. Về con út, cháu sống với vợ chồng ông từ nhỏ đến năm 2013 vợ ông đi làm ăn xa thì con ở với ông từ đó cho đến nay. Ông nhận nuôi con cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi. Nếu con muốn ở với bà P, ông cũng đồng ý và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà P chung sống như vợ chồng với ông H nhưng không đăng ký kết hôn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà P và ông H nhưng bà P, ông H không có mặt tại Tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, quan hệ chung sống giữa bà P và ông H không được pháp luật công nhận. Kể từ năm 2015 đến nay, bà P và ông H nhiều lần sống ly thân, giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tình yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, nay bà P yêu cầu ly hôn, ông H tuy còn thương vợ nhưng bà P cương quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận bà P và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông H có 03 con chung là: Phạm Văn Hậu, sinh năm 1994, Phạm Văn Hữu, sinh năm 1997 và Phạm Vũ Hà, sinh ngày 29/5/2005. Hai con đầu đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Hà có nguyện vọng muốn sống với mẹ, bà P và ông H cũng thống

nhất, xét nên giao cháu Phạm Vũ Hà cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà P và ông H là vợ chồng.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Vũ Hà, sinh ngày 29/5/2005 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hà đủ 18 tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hà trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà P đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002663 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K. Như vậy, bà P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình Phạm Hồng Gái

Nguyễn Thị Tuyết Mai